

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:100/2022/DS-PT

Ngày: 20- 6-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:06/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022, của Toà án nhân dân thành phố LX có kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2022/QĐPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; địa chủ cư trú: đường A, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2022). (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962.

2. 2 Bà Bùi Thị Thu Ng, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà Ng: Ông Võ Văn O, sinh năm 1953. (theo Giấy ủy quyền ngày 22/11/2021). (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: k6, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang;

(Trong vụ án bị đơn kháng cáo; Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Phước H trình bày: Do quan hệ bạn bè thân thiết nên ngày 01/02/2021, ông Th có cho vợ cH ông H, bà Ng vay số tiền 7.590.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Khi vay có làm hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền), ông H và bà Ng có ký tên nhận nợ, việc lập biên nhận và giao tiền tại nhà ông H, bà Ng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay 03 ngày, lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày. Ngày 03/02/2021, ông H, bà Ng trả được 1.450.000.000 đồng tiền nợ gốc và chưa trả tiền lãi. Ông H, bà Ng còn nợ lại 6.140.000.000 đồng.

Nay, ông Th yêu cầu ông H, bà Ng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay còn nợ 6.140.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/02/2021 tạm tính đến ngày xét xử là 815.392.000 đồng. Tổng cộng là 6.955.392.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà Ng có nghĩa vụ trả cho ông Th số tiền vay còn nợ 6.140.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử (18/01/2022).

Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của ông H, bà Ng đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th. Sau khi cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử bị đơn ông H, bà Ng có đơn yêu cầu phản tố:

Ngày 03/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu Ng có đơn yêu cầu hỗ trợ thu thập chứng cứ là hình ảnh qua trích xuất camera tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

Ngày 06/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn O có đơn yêu cầu đưa bà Phạm Thị Diệu H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đưa người lái xe của ông Th tham gia với tư cách nhân chứng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn O đại diện bị đơn trình bày: ông Võ Văn O xác định không yêu cầu phản tố đối với số tiền chênh lệch 50.000.000 đồng và thừa

nhận ông H, bà Ng đã trả 1.450.000.000 đồng và còn nợ ông Th số tiền 6.140.000.000 đồng.

- Ông Võ Văn O giao nộp cam kết trả nợ (bản photo) lập ngày 05/11/2021 có chữ ký của ông H, bà Ng với nội dung vợ chồng ông H, bà Ng có vay tiền của ông Th số tiền 6.140.000.000 đồng. Ông H, bà Ng đồng ý trả lãi 1.360.000.000 đồng cộng với tiền gốc 6.140.000.000 đồng. Cách thức trả: từ ngày 05/11/2021 – 05/01/2022 trả 4.000.000.000 đồng, ngày 05/4/2022 trả số tiền còn lại 3.500.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ trên về việc giữa ông Th và ông H, bà Ng có thỏa thuận gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 05/4/2022

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th;

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Th tiền nợ gốc 6.140.000.000 đồng, tiền lãi 1.200.711.111 đồng (tính đến ngày 18/01/2022). Tổng cộng là 7.340.711.111 đồng (*Bảy tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, bảy trăm mười một nghìn, một trăm mười một đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu Ng phải liên đới chịu 115.340.711 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm mười một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và lãi suất chậm thi hành án, thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/02/2022, bị đơn ông H, bà Ng kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; lý do thiếu người tham gia tố tụng; không thu thập chứng cứ; không thụ lý yêu cầu phản tố;

Ngày 09/02/2022, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX kháng nghị với lý do, không đưa bà Phạm Thị Diệu H vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng; không thu thập chứng cứ tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh ML; không hướng dẫn ông H là người cao tuổi, mà tính án phí dân sự sơ thẩm đối với ông H là chưa đúng quy định; đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm;

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn và đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng cáo, kháng nghị các bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm;

Nguyên đơn, cho rằng kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát là không đúng pháp luật, cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm;

Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ, để đưa bà Phạm Thị Diệu H vào tham gia tố tụng theo yêu cầu của bị đơn là thiếu sót, bỏ sót người tham gia tố tụng; nên không xem xét thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn; đề nghị hủy án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX và nội dung kháng cáo của bị đơn là có căn cứ; do cấp sơ thẩm thiếu sót về tố tụng trong việc thu thập chứng cứ; không đưa bà H vào tham gia tố tụng là thiếu sót; nên đề Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX; chấp nhận kháng cáo của bị đơn; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông H, bà Ng kháng cáo trong hạn; Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX kháng nghị hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Thủ tục ủy quyền của các đương sự hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với việc phong tỏa tài sản của bị đơn, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, cùng lời khai của các đương sự thì thấy,

[3.1] Căn cứ vào biên nhận ngày 01/02/2021, thể hiện ông H, bà Ng cùng ký tên biên nhận vay của ông Th số tiền 7.590.000.000đ; thời hạn vay 3 ngày, mục đích để đáo hạn Ngân hàng; lãi suất 0,2%/ngày; sau 03 ngày thì ông H, bà Ng trả được 1.450.000.000đ, không có trả lãi theo thỏa thuận; nên còn nợ lại 6.140.000.000đ; sau đó, không trả tiếp nợ cho nguyên đơn; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 6.140.000.000đ và tính lãi suất theo pháp luật;

[3.2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông O thừa nhận và thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền 6.140.000.000đ; nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh;

[4] Bị đơn kháng cáo và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng, bị đơn có khai trả tiền cho ông Th thông qua bà Phạm Thị Diệu H số tiền 5.500.000.000đ, từ số tiền bị đơn rút ra tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh ML, để trả nợ nguyên đơn; nhưng cấp sơ thẩm không xem xét tình tiết này, để tiến hành thu thập chứng cứ tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh ML; để xem có việc bị đơn đến rút tiền hay không và bà Phạm Thị Diệu H có nhận tiền hay không tại Ngân hàng; để xem xét đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng bỏ sót người tham gia tố tụng, thì thấy;

[4.1] Tại tờ khai ngày 10/01/2022, bà H khai rằng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông Hồng, bà Ng để khấu trừ nợ cho ông Th ; không có mối quan hệ nào đến hợp đồng vay tiền giữa ông Th với vợ chồng ông H, bà Ng; bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh có việc ông Th ủy quyền cho Hương để nhận tiền của ông Hồng, bà Ng trả nợ thay; giữa bà Hương và ông Th không có quan hệ họ hàng, bà con thân thuộc gì cả;

[4.2] Tại tờ cam kết ngày 05/11/2021, chính vợ chồng ông H, bà Ng cam kết đến ngày 05/4/2022 trả dứt số tiền còn lại 3.500.000.000đ cho ông Th; nên lời khai của ông H, bà Ng cho rằng có đến rút tiền từ Ngân hàng chi nhánh ML để đưa bà H số tiền 5.500.000.000đ trả nợ cho ông Th là hoàn toàn mâu thuẫn và không có cơ sở; bởi vì, ngày rút tiền tại Ngân hàng Chi nhánh ML là ngày 05/02/2021; cam kết ngày 05/4/2022 trả dứt nợ là mâu thuẫn về mặt thời gian. Do đó, việc thu thập chứng cứ tại Ngân hàng chi nhánh ML; để đưa bà Phạm Thị Diệu H vào tham gia tố tụng là không cần thiết; bởi vì, không có tài liệu chứng cứ gì có liên quan đến bà H trong vụ án này; nếu sau này ông H, bà Ng có chứng cứ bà Hương có nhận tiền 5.500.000.000đ từ ông H, bà Ng thì đây là một quan hệ dân sự khác; nếu có tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện tranh chấp bằng vụ án khác;

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã 03 lần Thông báo công khai cung cấp chứng cứ và hòa giải, nhưng cả 03 lần bị đơn đều vắng mặt; xem như từ bỏ quyền lợi của mình; sau khi cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì bị đơn mới có đơn yêu cầu phản tố để khấu trừ số tiền 5.500.000.000đ là không

đúng theo Điều 200 Bộ Luật tố tụng dân sự; cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố để xem xét là đúng quy định;

[5] Ông Nguyễn Văn H sinh ngày 27/5/1962; quá trình giải quyết ông H không có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm và tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 18/01/2022; ông H chưa đủ 60 tuổi; nên cấp sơ thẩm không xem xét cho ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

[6] Tuy nhiên, ở giai đoạn phúc thẩm ông H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, tại thời điểm xét xử phúc thẩm ông H đủ 60 tuổi; căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; nên sửa án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn H được miễn toàn bộ án phí;

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn không cung cấp chứng cứ làm phát sinh căn cứ có giá trị pháp lý cho yêu cầu kháng cáo của mình; đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị hủy án sơ thẩm là chưa đủ cơ sở xem xét, không được Hội đồng xét xử chấp nhận;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ng phải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1, 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu Ng;

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX về việc hủy án sơ thẩm;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX; đối với phần án phí dân sự sơ thẩm của ông Nguyễn Văn H;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th .

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Th tiền nợ gốc 6.140.000.000 đồng, tiền lãi 1.200.711.111 đồng (tính đến ngày 18/01/2022). Tổng cộng là 7.340.711.111 đồng (*Bảy tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, bảy trăm mười một nghìn, một trăm mười một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu Ng phải chịu 57.670.355đ; ông Nguyễn Văn H được miễn tiền án phí;

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Thu Ng phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000947 ngày 09/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX; ông Nguyễn Văn H được miễn tiền án phí;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND Tp LX (1)
- THA Tp LX (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn

